

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11/ 7/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Bào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký Tòa án phiên toà: Ông Phạm Văn Thế - Thư ký TAND huyện Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2024/TLST, ngày 04 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 - Có mặt

Địa chỉ: Bon U S, xã Đ, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1965 - Có mặt

Địa chỉ: Bon U , xã Đ, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn K kết hôn từ năm 1987, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Khao hay uống rượu và chửi mắng bà T, cuộc sống không hòa hợp, không thể tiếp tục chung sống với nhau được, thực tế đã ly thân với nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Tuyết được ly hôn với ông Trần Văn K.

Về con chung: Có 03 con chung là Trần Văn Kh, sinh năm 1990, Trần Thị M, sinh năm 1992 và Trần Ngọc Uyên V, sinh ngày 08/02/2008. Cháu Kh và cháu M đã trưởng thành, còn cháu V chưa đủ 18 tuổi, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nên khi ly hôn bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu V đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Khao cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Tuyết nhận nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày: Ông K và bà Nguyễn Thị T chung sống và kết hôn nhau năm 1987 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Việc chung sống và kết hôn là tự nguyện, không ép buộc. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn: Ông K có chửi mắng bà T nhiều lần, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống vợ chồng. Sau đó bà T bỏ nhà đi sinh sống với con trai, thực tế giữa ông với bà T đã không chung sống với nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Khao thì ông không đồng ý ly hôn với bà T. Vì ông K, bà T đã gần 60 tuổi, tình cảm vợ chồng vẫn còn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau được. Do đó, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn K.

Về con chung: Cần giao con Trần Ngọc Uyên V, sinh ngày 08/02/2008 cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với ý chí nguyện vọng của cháu V.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết ly hôn với ông K, bị đơn cư trú tại xã Đ, huyện Cư Jút nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*”.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải đúng theo quy định của pháp luật, nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T kết hôn với ông K từ năm 1987 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, việc chung sống và kết hôn là tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn: Năm 1987 bà T với ông K kết hôn với nhau, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế giữa ông K với bà T đã không chung sống với nhau từ đầu tháng 01/2024 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn đã được các đương sự thừa nhận trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải.

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên, bà Tuyết với ông Khao đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3.2] Về con chung: Bà Tuyết và ông Khao có 03 con chung là Trần Văn Kh, sinh năm 1990, Trần Thị M, sinh năm 1992 và Trần Ngọc Uyên V, sinh năm 2008. Cháu Kh, cháu M đã trên 18 tuổi, còn cháu V chưa đủ 18 tuổi, hiện cháu V đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng; trong quá trình làm việc tại Tòa án, cháu V có nguyện vọng được bà T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút về nội dung vụ việc là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà T nhận nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết được ly hôn với ông Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao con Trần Ngọc Uyên V, sinh ngày 08/02/2008 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Trần Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số: 0000349 ngày 04/4/2024.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA huyện Cư Jút;
- UBND xã Vạn Ninh, H.Gia Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NÔNG VĂN BÀO

